TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23-6-2021
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Phường.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Vững.**
2. Ông **Lê Hoàng Thọ.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Thi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Lợi** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 5 và ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Thanh T**, sinh năm 1986;
HKTT: Ấp 1, xã TK, huyện TM, Đồng Tháp.
Địa chỉ: Ấp MT 2, xã MQ, huyện TM, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Trần Hoài H**, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Ấp 1, xã TK, huyện TM, Đồng Tháp.

(Chị T có mặt tại phiên tòa,
Anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H do mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2004 và được Ủy ban nhân dân xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/4/2006. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2020, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường xuyên, nguyên nhân là do anh H ghen tuông vô cớ, anh H cũng thường hay đánh đập bằng tay gây thương tích cho chị nhưng không nặng. Đối với việc này do là chuyện của vợ chồng nên chị không có báo với chính quyền địa phương. Từ tháng 08/2020 đến nay, chị đã về ở nhà cha ruột tại ấp MT 2, xã MQ, huyện TM và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay thì vợ chồng không có nói chuyện với nhau, cuộc sống của ai người đó nấy lo. Tuy nhiên, chị vẫn về thăm và lo cho con của mình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Song Y, sinh ngày 30/12/2005 và Trần Minh Hi, sinh ngày 17/6/2008. Theo đơn khởi kiện chị trình bày hiện hai con chung đang sống chung với anh H. Khi ly hôn, chị yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của hai con sẽ về chung sống với cha hoặc mẹ. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì chị xin thay đổi trình bày và yêu cầu là hiện nay con tên Y đang sống với chị và con tên Hi đang sống với anh H. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con tên Y, chị đồng ý giao con tên Hi cho anh H nuôi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Theo đơn khởi kiện thì chị trình bày về nợ không có. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị thay đổi trình bày là về nợ không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Chị cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ chị và anh H thì chị xin chịu trách nhiệm cùng với anh H. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn anh Trần Hoài H mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh T. Chị Ngô Thị Thanh T được ly hôn với anh

Trần Hoài H. Giao con tên Trần Song Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con tên Trần Minh Hi cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Trích lục kết hôn (bản sao);
+ Giấy khai sinh con chung (bản sao);
+ Giấy CMND (bản photo).

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:

+ Xác nhận của Công an xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 28 tháng 4 năm 2021.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Không.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị T về việc yêu cầu được ly hôn với anh H. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 1, xã TK, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 298/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân là bà Nguyễn Thị Thúy, ông Lê Văn Vững và Thư ký phiên tòa là ông Hồ Quốc Thái. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do bà Thúy và ông Thái bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Lê Hoàng Thọ là Hội thẩm nhân dân dự khuyết và bà Phạm Thị Thi là Thư ký phiên tòa dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H do mai mối, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Kiều và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/4/2006. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì chị T và anh H hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì chị T trình bày là do anh H ghen tuông vô cớ, anh H cũng thường hay đánh đập bằng tay gây thương tích cho chị nhưng không nặng. Đối với việc này do là chuyện của vợ chồng nên chị không có báo với chính quyền địa phương. Từ tháng 08/2020 đến nay, chị đã về ở nhà cha ruột tại ấp MT 2, xã MQ, huyện TM và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay thì vợ chồng không có nói chuyện với nhau, cuộc sống của ai người đó nấy lo. Xét thấy, chị T và anh H đã ly thân nhau từ tháng 8/2020 đến nay, trong thời gian ly thân thì hai bên không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm gì, từ đó cho đến nay cuộc sống của ai thì người đó lo, không ai chăm sóc cho ai là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Đồng thời, anh H mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì, điều này cho thấy anh H không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa sơ thẩm thì chị T cương quyết xin ly hôn với anh H. Do đó, có đủ cơ sở xác định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống chị T và anh H có 02 con chung tên Trần Song Y, sinh ngày 30/12/2005 và Trần Minh Hi, sinh ngày 17/6/2008. Hiện con tên Y đang sống với chị T, còn con tên Hi đang sống với anh H. Xét từ khi chị T và anh H ly thân với nhau cho đến nay thì con tên Y sống với chị T tại xã MQ, còn con tên Hi sống với anh H tại xã TK và các con vẫn đang được chị T và anh H cho đi học bình thường như bao đứa trẻ khác cùng trang lứa tại địa chỉ trên. Do đó, về môi trường sống và học tập của các con đã ổn định, được chăm sóc chu đáo, được đi học, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Đồng thời, tại Tờ tự khai thì con tên Y có nguyện vọng sống với chị T, còn con tên Hi có nguyện vọng sống với anh H. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con tên Y, chị T đồng ý giao con tên Hi cho anh H nuôi là phù hợp với nguyện vọng của các con, còn anh H thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của chị T là có căn cứ nên chấp nhận.

Về phần cấp dưỡng nuôi các con chung, khi ly hôn chị T yêu cầu con ở với ai thì người đó nuôi, không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau và không yêu

cầu Tòa án giải quyết, còn anh H thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Chị T và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về quan hệ tài sản: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh H thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên có phát sinh tranh chấp về quan hệ tài sản thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ nợ: Chị T trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh H thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên hoặc người thứ ba có phát sinh tranh chấp về quan hệ nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[6] Xét thấy:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

- Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh T. Chị Ngô Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Hoài H. Giao con tên Trần Song Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con tên Trần Minh Hi cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị Tuyền phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Hoài H.

2. Về quan hệ nuôi con: Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Song Y, sinh ngày 30/12/2005. Anh H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Minh Hi, sinh ngày 17/6/2008. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí:

Chị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011539, ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Tân Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Thi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phường